TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/DS-ST
Ngày 19-11-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn An;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thi S, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: Ấp LV, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TH, xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Số 367, ấp LV, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Nơi làm việc: Công ty CPCN đầu tư PL – Chi nhánh xí nghiệp giày GP;

Địa chỉ trụ sở: Ấp Gia Lâm, xã Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lương Văn T, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp LV, xã LH, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 4 năm 2018 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 01 thàng 6 năm 2018 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - chị Dương Thị S trình bày:

Ngày 21-11-2017 chị có cho chị Phạm Thị N vay 45.000.000 đồng nợ gốc, thỏa thuận tính lãi suất 5%/ tháng, hẹn tháng 3 năm 2018 trả nợ gốc, có thỏa thuận trả tiền lãi suất mỗi tháng, khi giao nhận tiền có lập văn bản. Chị N nói với chị để chi phí mua vật liệu xây dựng để tô nhà của chị N và anh Lương Văn T. Chị N không trả cho chị nợ gốc và tiền lãi.

Chị Phạm Thị N có tham gia 04 phần hụi gồm 4 dây do chị làm chủ, danh sách hụi ghi tên "N", hụi hưởng hoa hồng, chị N đã lĩnh tiền trúng hụi hết 04 phần hụi của 04 dây nhưng không góp đủ tiền hụi chết, số tiền hụi chết chưa góp đến ngày mãn hụi là 56.000.000 đồng, chị đã góp đủ tiền hụi chết thay cho chị N đến ngày mãn hụi. Cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 10-7-2016, kỳ mãn ngày 10-4-2018, gồm 22 phần, 22 thành viên, chị N tham gia 01 phần, góp 04 lần hụi sống số tiền 6.600.000 đồng. Chị N lĩnh tiền trúng hụi ngày 10-11-2016, kêu 500.000 đồng, trúng hụi 33.500.000 đồng, trừ 800.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 32.700.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 32.700.000 đồng cho chị N. Chị N góp 13 lần hụi chết, số tiền 26.000.000 đồng, còn nợ 04 lần hụi chết, số tiền 8.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 10-12-2016, kỳ mãn ngày 10-7-2018, gồm 20 phần, 20 thành viên, chị N tham gia 01 phần, góp 02 lần hụi sống số tiền 3.440.000 đồng. Chị N lĩnh tiền trúng hụi ngày 10-02-2017, kêu 500.000 đồng, trúng hụi 29.500.000 đồng, trừ 800.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 28.700.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 28.700.000 đồng cho chị N. Chị N góp 10 lần hụi chết, số tiền 20.000.000 đồng, còn nợ 07 lần hụi chết, số tiền 14.000.000 đồng.

+ Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 10-02-2017, kỳ mãn ngày 10-8-2018, gồm 19 phần, 19 thành viên, chị N tham gia 01 phần, góp 01 lần hụi sống số tiền 1.650.000 đồng. Chị N lĩnh tiền trúng hụi ngày 10-3-2017, kêu 500.000 đồng, trúng hụi 27.500.000 đồng, trừ 800.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 26.700.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 26.700.000 đồng cho chị N. Chị N góp 09 lần hụi chết, số tiền 18.000.000 đồng, còn nợ 08 lần hụi chết, số tiền 16.000.000 đồng.

+ Dây 4: Hụi 2.000.000 đồng/01 tháng, kỳ mở hụi ngày 10-4-2017, kỳ mãn ngày 10-9-2018, gồm 18 phần, 18 thành viên, chị N tham gia 01 phần, góp 04 lần hụi sống số tiền 6.600.000 đồng. Chị N lĩnh tiền trúng hụi ngày 10-7-2017, kêu 380.000 đồng, trúng hụi 29.060.000 đồng, trừ 800.000 đồng tiền hoa hồng, thực lĩnh 28.260.000 đồng, chị đã giao đủ số tiền 28.260.000 đồng cho chị

N. Chị N góp 04 lần hụi chết, số tiền 8.000.000 đồng, còn nợ 09 lần hụi chết, số tiền 18.000.000 đồng.

Các lần lĩnh tiền trúng hụi các phần hụi của các dây hụi nêu trên chị N nói với chị để chi phí mua vật liệu xây dựng để tô nhà của chị N và anh Lương Văn T.

Chị Khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị N và anh T có nghĩa vụ trả cho chị 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 tiền hụi chết, không yêu cầu trả tiền lãi.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn - chị Phạm Thị N trình bày: Chị đồng ý với lời trình bày của chị S về hợp đồng góp hụi giữa chị và chị S. Hiện nay chị còn nợ chị S 56.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp và 45.000.000 đông nợ gốc tiền vay nhưng chị và chị S thỏa thuận tính lãi suất 6%/ tháng, không hẹn thời gian trả nợ gốc, có thỏa thuận trả tiền lãi suất mỗi tháng, khi giao nhận tiền vay chị có viết 01 giấy nhận tiền nhưng không ghi nội dung vay tiền, chị S giữ giấy nhận tiền, giao nhận tiền vay 02 lần:

Lần 01: Ngày 13-01-2017, chị S giao cho chị 30.000.000 đồng.

Lần 02: Ngày 16-02-2017, chị S giao cho chị 15.000.000 đồng.

Khi giao nhận tiền vay nêu trên nêu trên, chị nói với chị S để cho người khác vay lại để hưởng tiền hoa hồng.

Chị có nhận được 12 tháng tiền lãi từ việc chị cho người khác vay số tiền 45.000.000 đồng nợ gốc nêu trên.

Chị có trả tiền lãi theo thỏa thuận cho chị S từ ngày vay tiền đến tháng 12 năm 2017, chưa trả nợ gốc. Từ tháng 01 năm 2018 đến nay, chị không trả tiền lãi cho chị S. Số tiền lãi chị đã trả cụ thể như sau:

Số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc chị vay vào ngày 13-01-2017, chị trả cho chị S thời gian 11 tháng.

30.000.000 đồng x 6%/ tháng x 11 tháng = 19.800.000 đồng.

Số tiền 15.000.000 đồng nợ gốc chị vay vào ngày 16-02-2017, chị trả cho chị S thời gian 10 tháng.

15.000.000 đồng x 6%/ tháng x 10 tháng = 9.000.000 đồng

Ngày 21-11-2017, chị S đem mẫu "Giấy cho mượn tiền" đến nhà chị, chị S viết nội dung cho chị vay tiền. Tại mục 3. Bên cho mượn tiền, mượn số tiền, chị có viết nội dung "45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng". Chị cùng chị S ký tên và viết họ tên.

Các lần lĩnh tiền trúng hụi các phần hụi của các dây hụi nêu trên, chị không nói với chị S để sử dụng vào việc gì. Chị lĩnh tiền trúng hụi 04 phần hụi của 04 dây hụi nêu trên đề cho người khác vay, và góp hụi chết thay cho người khác làm chung công ty với chị.

Chị đồng ý trả cho chị S 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 tiền hụi chết chưa góp, không trả tiền lãi, không yêu cầu khấu trừ tiền lãi suất theo thỏa thuận chị đã trả cho chị S. Chị không yêu cầu anh Lương Văn T trả tiền cho chị S

Trong thời gian giải quyết vụ án, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị yêu cầu Tòa án nhận dân huyện Trảng Bàng giải quyết vụ án.

Từ khi thụ lý, Tòa án tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, gửi Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Lương Văn T không tham gia tố tụng.

Ý *kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Chị Dương Thị S và chị Phạm Thị N thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Lương Văn T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa tố tụng theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 xem xét quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị S đối với chị Phạm Thị N, anh Lương Văn T.

Buộc chị Phạm Thị N và anh Lương Văn T có nghĩa vụ trả cho chi Dương Thị S 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 đông tiền hụi chết chưa góp.

Ghi nhận chị Dương Thị S không yêu cầu tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét việc chị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền. Tại phiên tòa, chị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng giải quyết vụ án. Chị N có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TH, xã TLT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Số 367, ấp LV, xã LH,

huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; nơi làm việc: Công ty CPCN đầu tư PL - Chi nhánh xí nghiệp giày GP; địa chỉ trụ sở: Ấp GL, xã GL, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

Anh T vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Dương Thị S đòi chị Phạm Thị N và anh Lương Văn T 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị N thừa nhận có nợ chị S 000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 đông tiền hụi chết chưa góp. Chị N đồng ý trả cho chị S 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp, không trả tiền lãi suất, thấy rằng:

[3] Chị S có chứng cứ là "Giấy cho mượn tiền" ngày 21-11-2017, "Giấy đăng hụi" ngày 10-11-2016; "Giấy đăng hụi" ngày 10-02-2017, "Giấy đăng hụi ngày 10-3-2017, "Giấy đăng hụi ngày 10-7-2017" và "Danh sách hụi" của các kỳ mở hụi chứng minh cho việc chị N có vay tiền của chị S và chị N có tham gia hợp đồng góp hụi 04 phần hụi gồm 04 dây do chị S làm chủ, đã lĩnh tiền trúng hụi và không góp đủ tiền hụi cho chị S, chị N còn nợ chị S 45.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 56.000.000 đồng tiền hụi chết chưa góp, chị N đồng ý trả tiền cho chị S.

[4] Xét lời trình bày của chị N: Chị N có trả cho chị S 28.800.000 đồng tiền lãi suất theo thỏa thuận, chị S không thừa nhận, chị N không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Chị N cho rằng anh T không biết việc chị N vay tiền của chị S, không biết việc chị N tham gia hợp đồng góp hụi do chị S làm chủ và thiếu nợ chị S. Tuy nhiên, chị N và chị S đều xác nhận anh T có biết việc chị N nợ chị S tiền vay và tiền hụi chết chưa góp do chị S đến nhà anh T và chị N để đòi tiền vay và tiền hụi chết chưa góp. Tuy anh T không vay tiền của chị Sương, không tham gia hợp đồng góp hụi do chị S làm chủ nhưng chị N và anh T là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1994. Thời điểm chị N vay tiền của chị S và tham gia hợp đồng góp hụi do chị S làm chủ, chị N và anh T có sống chung nhà, thu nhập của chị N và anh T không đủ cho chi phí sinh hoạt kinh tế gia đình chị N và anh T, chị N sử dụng tiền vay và tiền trúng hụi vào việc cho người khác vay lại để hưởng tiền hoa hồng. Đây là giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, chị S yêu cầu buộc anh T cùng trả nợ với chị N là phù hợp với Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị S. Buộc chị N và anh T có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 101.000.000 đồng.

Ghi nhận chị S không yêu cầu trả tiền lãi.

[7] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi giữa chị Dương Thị S đối với chị chị Phạm Thị N và anh Lương Văn T.

2. Buộc chị Phạm Thị N và anh Lương Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị S số tiền 101.000.000 (một trăm lẻ một triệu) đồng.

Ghi nhận chị Dương Thị S không yêu cầu trả tiền lãi.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị N và anh Lương Văn T phải chịu 5.050.000 (năm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Dương Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Dương Thị S 2.525.000 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006047 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Các đương sự.;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Nghện

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**